

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối
với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 106/2007/TTLT-BTC-BTNMT ngày 06 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 107/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 504/TTr-STC ngày 30 tháng 10 năm 2012 về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

1. Đối tượng chịu phí và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Hộ gia đình;
- Cơ quan nhà nước;
- Đơn vị vũ trang nhân dân;

- Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân;
- Các cơ sở rửa ô tô, xe máy;
- Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác;
- Các đối tượng khác có nước thải sinh hoạt ra môi trường do đơn vị khai thác nước sạch cung cấp.

2. Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt, bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:
 - + Các xã thuộc biên giới, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa);
 - + Các xã không thuộc đô thị đặc biệt; đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

3. Mức thu và đơn vị tổ chức thu phí

a) Mức thu: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính bằng 6% (sáu phần trăm) trên giá tiền nước sạch sinh hoạt chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;

b) Đơn vị thu phí: Giao cho đơn vị có chức năng cung ứng nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh tổ chức thu phí theo hóa đơn thu tiền nước sạch sinh hoạt.

- Hàng tháng đơn vị cung cấp nước sạch sinh hoạt tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch sinh hoạt (trên hóa đơn bán hàng ghi rõ phần tiền sử dụng nước sạch và tiền thu phí nước thải);

- Tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có nghĩa vụ nộp đủ số tiền phí theo thông báo của đơn vị cung cấp nước sạch.

4. Quản lý, sử dụng

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng như sau:

a) Để lại 8% trên tổng số tiền thu được cho đơn vị tổ chức thu để trang trải cho việc thu phí;

b) Phần còn lại 92% nộp vào ngân sách tỉnh để sử dụng cho việc bảo vệ môi trường, đầu tư mới, nạo vét cống rãnh, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước tại địa phương, bảo vệ chất lượng nước các nguồn nước (trong đó có chất lượng nước của các công trình thủy lợi), bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương (cấp tỉnh), trả nợ vay đối với các khoản vay của các dự án thoát nước thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

Việc chi trả, thanh toán các khoản chi từ phần phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nộp vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Giao Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh phối hợp với các ngành chức năng có liên quan triển khai thực hiện việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí theo chế độ quy định.

Điều 3. Chánh Văn Phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 42/2004/QĐ-UB ngày 05 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB. QH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- TV. UBND tỉnh;
- UBMTTQ. tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nkguyen.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Nam